BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÔNG VĂN

Giáo viên hướng đẫn:

Ths. Nguyễn Hữu Quang

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Quang Thọ - 15086971 Huỳnh Huy Hoàng - 15017601

INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY FACULTY OF INFORMATION TECHNOLOGY

NGUYEN QUANG THO & HUYNH HUY HOANG

BUILDING AN OFFICIAL DISPATCH MANAGEMENT

Major: Information system

Supervisor: MSc.Nguyen Huu Quang

ABSTRACT

For agencies and administrative organizations, the management and archiving of Official dispatch is very important.

The storage of hard copy of Official dispatch causes paper wastage, wastage of storage space, and risk of losing documents by natural and human factors.

With the desire to save the cost of manpower and time in managing and archiving documents, we propose a system to management Official dispatch. This system is built on the website platform.

The system must meet the status tracking of archived documents in real time without reloading the website. To solve the above problem, we have built a website on Single page Application with React js and implemented Real-time via socket io.

The proposed system can help administrators and users save time in management, and easily track the progress of dispatch.

LÒI CẨM ƠN

Để nhóm em có thể đi đến chặng đường hiện tại là nhờ sự giúp đỡ, động viên rất nhiều từ Thầy/Cô, gia đình và bạn bè xung quanh từ lúc bắt đầu đến lúc hoàn thành hiện thực đề tài.

Với tấm lòng biết ơn sâu sắc nhóm em xin gửi lời cảm ơn đến quý Thầy/Cô giảng dạy bộ môn Hệ Thống Thông Tin Trường Đại học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh đã truyền đạt cho nhóm em những kiến thức quý báu nhờ đó nhóm em mới có thể hiện thực được đề tài đưa ra. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn Thầy ThS. Nguyễn Hữu Quang đã giúp đỡ nhóm em rất nhiều trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Qua những buổi trao đổi với thầy đã cho chúng em nhiều lời khuyên, giải pháp để có thể hoàn thiện đề tài tốt hơn.

Trong quá trình hiện thực đề tài chắc chắn nhóm em sẽ không thể tránh khỏi thiếu sót vì thế nhóm em rất mong nhận được sự góp ý từ phía Thầy/Cô để có thể nâng cao kiến thức, hiểu biết phục vụ cho phát triển công việc sau này.

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với bất cơ quan, tổ chức nào thì việc quản ý, lưu trữ, chuyển giao công văn có vai trò rất quan trọng. Nó đảm bảo thông tin dưới dạng công văn được cập nhật, lưu trữ và chuyển tới người xử lý một cách kịp thời và chính xác. Công tác quản lý công văn được thực hiện thủ công dưới hình thức lưu trữ hồ sơ, sổ sách gặp không ít khó khăn và hạn chế, đặc biệt trong việc tìm kiếm, sắp xếp. Các công văn có thể bị thất lạc và rất khó khăn trong việc theo dõi tình trạng thực hiện công văn. Việc lưu trữ công văn bằng bảng cứng gây ra hao phí tài nguyên giấy, hao phí không gian lưu trữ, dễ bị thất lạc, dễ bị hư hỏng bởi các yếu tố tự nhiên và con người. Việc quản lý và chuyển giao công văn cần nhiều chi phí về nhân lực và thời gian.

Với mong muốn tiết kiện chi phí về nhân lực và thời gian trong việc quản lý, lưu trữ công văn nhóm chúng em đưa ra ý tưởng "Xây dựng hệ thống quản lý công văn" cho đề tài khóa luân của mình.

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Ngày ... Tháng Năm...... Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Hữu Quang

| NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN 1 | | |
|-------------------------------------|--|--|
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| Ngày Tháng Năm | | |

Giảng viên phản biện 1

| NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN 2 | | |
|-------------------------------------|--|--|
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| Ngày Tháng Năm | | |

Giảng viên phản biện 2

MỤC LỤC

| CHUONG I. GIOI THIỆU | I |
|--------------------------------------|----|
| 1.1 Tổng quan và lý do chọn đề tài | 1 |
| 1.2 Mục tiêu đề tài | 1 |
| 1.3 Phạm vi đề tài | 1 |
| 1.4 Mô tả yêu cầu phi chức năng | 2 |
| 1.5 Mô tả yêu cầu chức năng | 2 |
| CHƯƠNG 2. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT | 3 |
| 2.1 Quy trình xử lý công văn | 3 |
| 2.2 RESTful API | 3 |
| 2.3 Môi trường Nodejs | 5 |
| 2.4 MongoDB | 6 |
| 2.5 React | 7 |
| 2.6 MERN Stack | 8 |
| CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ | 9 |
| 3.1 Use case diagram | 9 |
| 3.2 Đặc tả use case | |
| 3.2.1 Đăng nhập | |
| 3.2.2 Thay đổi mật khẩu | 11 |
| 3.2.3 Xem công văn đến | 12 |
| 3.2.4 Xem công văn đi | 13 |
| 3.2.5 Đề xuất cập nhập trang thái | 14 |
| 3.2.6 Thêm công văn đi | 15 |
| 3.2.7 Sửa công văn đi | 16 |
| 3.2.8 Xóa công văn đi | 18 |
| 3.2.9 Thêm công văn đến | 19 |
| 3.2.10 Sửa công văn đến | 20 |
| 3.2.11 Xóa công văn đến | 21 |
| 3.2.12 Cập nhập trạng thái | 23 |
| 3.2.13 Thêm người dùng | 24 |

| 3.2.14 Xóa người dùng | 25 |
|---|----|
| 3.3 Class diagram: | 27 |
| 3.4 Data model | 27 |
| 3.5 Triển khai dữ liệu trên MongoBD | 28 |
| CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN | 29 |
| 4.1 Xây dựng ứng dụng trên nền tảng web | 29 |
| 4.1.1 Đăng nhập | 29 |
| 4.1.2 Quản lý công văn | 29 |
| 4.1.4 Xem công văn đến | 30 |
| 4.1.5 Xem công văn đi | 31 |
| 4.1.6 Quản lý người dùng | 32 |
| 4.1.7 Cập nhập thông tin người dùng | 32 |
| 4.1.8 Thay đổi mật khẩu | 33 |
| 4.1.9 Xem chi tiết công văn đến | 33 |
| 4.1.10 Xem chi tiết công văn đi | 34 |
| 4.1.11 Tạo công văn đến | 34 |
| 4.1.12 Tạo công văn đi | 35 |
| 4.1.13 Cập nhập công văn đến | 35 |
| 4.1.14 Cập nhập công văn đi | 36 |
| 4.2 Kiểm thử phần mềm | 34 |
| CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN | 52 |
| 5.1 Kết quả đạt được | 52 |
| 5.2 Hạn chế của đồ án | 52 |
| 5.3 Hướng phát triển | 52 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 53 |

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU

1.1 Tổng quan và lý do chọn đề tài

Trong bất kì lĩnh vực nào thì công tác quản lý luôn giữ một vai trò vô cùng quan trọng, trong đó có công tác quản lý công văn.

Công tác văn thư lưu trữ có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động vì nó đảm bảo thông tin dưới dạng công văn được cập nhật, lưu trữ và chuyển tới người xử lý một cách kịp thời và chính xác. Trước đây, công tác quản lý công văn, công văn được thực hiện thủ công dưới hình thức lưu trữ hồ sơ, sổ sách. Việc làm thủ công này đã gặp không ít khó khăn và hạn chế, đặc biệt trong việc tìm kiếm, sắp xếp. Các công văn có thể bị thất lạc và rất khó khăn trong việc theo dõi tình trạng thực hiện công văn.

Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ, len lỏi vào tất cả các lĩnh vực của công nghệ thông tin, cơ quan có thể dễ dàng quản lý công văn với các sản phẩm phần mềm ưu việt. Chính vì vậy, quản lý công văn là một trong những vấn đề quan trọng trong các cơ quan, công ty, ... là một trong những yếu tố góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả công việc. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý công văn là rất cần thiết và cần phải chú trọng.

Nhận thấy ở một số cơ quản, tổ chức chưa cón thiếu phần mềm hỗ trợ công tác quản lý công văn. Vì vậy, nhóm chọn đề tài xây dựng hệ thống quản lý công văn. Mặc dù còn có những hạn chế về kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế nhưng nhóm đã cố gắng tìm hiểu và vận dụng công nghệ mới để hoàn thành hệ thống này.

1.2 Mục tiêu đề tài

Mục tiêu phát triển một ứng dụng hệ thống thông tin cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ việc lưu trữ, quản lý công văn, phân công thực hiện công văn và theo dõi tình trạng thực hiện công văn.

1.3 Phạm vi đề tài

Người dùng có thể xem danh sách công văn mà người đó dược nhận và xem danh sách công văn đến mà người đó được giao thực hiện. Xem chi tiết công văn và tập tin dính kèm. Theo dõi trạng thái, đề xuất hoàn thành đối với công văn đến.

Quản trị viên có thể tạo công văn đến phân công người thực hiện và tạo công văn đi phân công người nhận. Có thể sửa, xóa công văn khi tạo sai. Theo dõi trạng thái, chấp nhận hoặc từ chối đề xuất hoàn thành công văn đến. Quản lý người dùng trong hệ thống.

Đề tài chỉ tập trung quản lý công văn trong nội bộ của một cơ quan, tổ chức. Các công văn đã được xử lý đầy đủ theo quy trình của cơ quan, tổ chức đó. Hệ thống được xây dựng và phát triển trên web.

1.4 Mô tả yêu cầu phi chức năng

Tính dễ sử dụng: Trang web thân thiện với người dùng không quá khó học khi thực hiện các chức năng.

Hiệu suất / thời gian đáp ứng: hiệu suất ổn định giúp trải nghiệm của người dùng thoải mái hơn.

1.5 Mô tả yêu cầu chức năng

- Tạo công văn đến và phân công người thực hiện, gửi công văn đi.
- Quản lý danh sách công văn đi, quản lý danh sách công văn đến.
- Quản lý người dùng.
- Theo dõi trạng thái, thực hiện và xử lý công văn đến

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT

2.1 Quy trình xử lý công văn

Các cơ quan, tổ chức phải thực hiện quản lý các công văn liên quan đến đơn vị của mình. Có 2 loại công văn được quản lý bao gồm: công văn đến và công văn đi.

Công văn đến

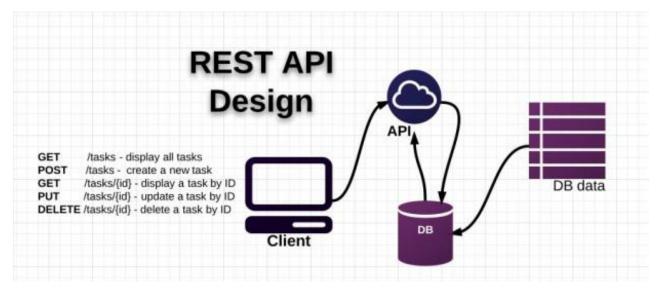
- Sau khi nhận được công văn đến, lãnh đạo sẽ phân công người thực hiện công văn đó.
- Quản trị viên giao sẽ nhận công văn cùng nội dung bút phê từ lãnh đạo và chuyển công văn cho người thực hiện, đồng thời lưu lại các thông tin về công văn đến (số văn bản, loại văn bản, ngày đến, đơn vị gửi, nội dung, thời hạn, nội dung bút phê của lãnh dạo).
- Người thực hiện có nhiệm vụ thực hiện công văn và báo cáo tiến độ với quản trị viên.
- Người quản trị có nhiệm vụ theo dõi tiến độ thực hiện của các công văn.

Công văn đi

- Sau khi công văn đi được soạn thảo sẽ được lãnh đạo kiểm tra và phê quyệt.
- Công văn đã được phê quyệt sẽ được chuyển đến quản trị viên.
- Quản trị viên lưu trữ lại thông tin công văn đi (số văn bản, loại văn bản, ngày tháng, nội dung, người tham mưu, người nhận, tác giả). Trong đó tác giả là người tạo ra công văn đó và người tham mưu là người tác giả tham mưu ý kiến để soạn thảo.
- Quản trị viên chuyển công văn đi cho người nhận.

2.2 RESTful API

RESTful API [1] là một tiêu chuẩn dùng trong việc thiết kế API cho các ứng dụng web (thiết kế Web services) để tiện cho việc quản lý các resource. Nó chú trọng vào tài nguyên hệ thống (tệp văn bản, ảnh, âm thanh, video, hoặc dữ liệu động...), bao gồm các trạng thái tài nguyên được định dạng và được truyền tải qua HTTP.



Hình 2.1 REST API design [1]

Diễn giải các thành phần:

API (Application **P**rogramming **I**nterface) là một tập các quy tắc và cơ chế mà theo đó, một ứng dụng hay một thành phần sẽ tương tác với một ứng dụng hay thành phần khác. API có thể trả về dữ liệu mà bạn cần cho ứng dụng của mình ở những kiểu dữ liệu phổ biến như JSON hay XML.

REST (**RE**presentational **S**tate **T**ransfer) là một dạng chuyển đổi cấu trúc dữ liệu, một kiểu kiến trúc để viết API. Nó sử dụng phương thức HTTP đơn giản để tạo cho giao tiếp giữa các máy. Vì vậy, thay vì sử dụng một URL cho việc xử lý một số thông tin người dùng, REST gửi một yêu cầu HTTP như GET, POST, DELETE, vv đến một URL để xử lý dữ liệu.

RESTful API là một tiêu chuẩn dùng trong việc thiết kế các API cho các ứng dụng web để quản lý các resource. RESTful là một trong những kiểu thiết kế API được sử dụng phổ biến ngày nay để cho các ứng dụng (web, mobile...) khác nhau giao tiếp với nhau.

Ưu điểm của REST:

- Hiệu năng: các thành phần đảm bảo được việc giao tiếp theo đúng một quy ước giúp hệ thống có thể vận hành tốt hơn.
- **Tính khả biến:** với các hệ thống cần thay đổi các tài nguyên liên tục, sử dụng REST với việc tạo request đơn giản sẽ giúp mọi chuyển trở nên đơn giản hơn.
- **Tính mở rộng:** các hệ thống REST có khả năng mở rộng rất cao nhờ sự tách biệt giữa các thành phần và các quy ước giao tiếp được quy đinh sẵn.

- **Tính linh hoạt:** việc chuẩn hoá interface giúp hệ thống trở nên linh hoạt hơn, có thể sử dụng cho cho nhiều nền tảng khác nhau, mobile, web, ...
- **Trong sáng:** trong giao tiếp giữa các thành phần, các request trở nên rất rõ ràng, dễ hiểu.
- Đơn giản: xây dựng rất đơn giản, giúp xây dựng các url cho resource.
- **Tính tin cậy:** khó để xảy ra lỗi trong giao tiếp giữa các thành phần gây sụp đổ hệ thống.

Nhươc điểm của REST:

- Chỉ hoạt động trên các giao thức HTTP.
- Do không lưu trạng thái giữa Client Server nên khối lượng thông tin truyền tải lớn.
- Tốn nhiều chi phí phát triển, vận hành, chỉnh sửa.

Lý do sử dụng RESTful API:

- Để dàng mở rộng, có thể tương tác với trên nhiều nền tảng web, mobile.

2.3 Môi trường Nodejs

Node.js [2] là một JavaScript runtime được build dựa trên engine JavaScript V8 của Chrome. Node.js sử dụng kiến trúc hướng sự kiện event-driven, mô hình non-blocking I/O để tạo ra các ứng dụng nhẹ và hiệu quả cho các ứng dụng về dữ liệu thời gian thực chạy trên các thiết bị phân tán.

Đặc điểm của Node js:

- Không đồng bộ và phát sinh sự kiện (Event Driven): Tất các các APIs của thư viện Node.js đều không đồng bộ, nghĩa là không blocking (khóa). Nó rất cần thiết vì Node.js không bao giờ đợi một API trả về dự liệu. Server chuyển sang một API sau khi gọi nó và có cơ chế thông báo về Sự kiện của Node.js giúp Server nhận đựa phản hồi từ các API gọi trước đó.
- **Chạy rất nhanh**: Dựa trên V8 Javascript Engine của Google Chrome, thư viện Node.js rất nhanh trong các quá trình thực hiện code.
- Các tiến trình đơn giản nhưng hiệu năng cao: Node.js sử dụng một mô hình luồng đơn (single thread) với các sự kiện lặp. Các cơ chế sự kiện giúp Server trả lại các phản hồi với một cách không khóa và tạo cho Server hiệu quả cao ngược lại với các cách truyền thống tạo ra một số lượng luồng hữu hạn để quản lý request. Nodejs sử dụng các

chương trình đơn luồng và các chương trình này cung cấp các dịch vụ cho số lượng request nhiều hơn so với các Server truyền thống như Apache HTTP Server.

Lý do sử dụng Nodejs:

- Node.js chạy non-blocking việc hệ thống không phải tạm ngừng để xử lý xong một request sẽ giúp cho server trả lời client gần như ngay tức thì.
- Javascript là ngôn ngữ lập trình hướng sự kiện, mà trong lập trình thời gian thực, cách tiếp cận bằng lập trình sự kiện là cách tiếp cận khôn ngoạn nhất.
- Hỗ trợ các framework để tạo API và websocket như: Express js và socket io.

2.4 MongoDB

MongoDB [3] là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu mã nguồn mở, là CSDL thuộc NoSql. MongoDB là một database hướng tài liệu (document), các dữ liệu được lưu trữ trong document kiểu JSON thay vì dạng bảng như CSDL quan hệ. Các collection trong MongoDB được cấu trúc rất linh hoạt, cho phép các dữ liệu lưu trữ không cần tuân theo một cấu trúc nhất định.

Ưu điểm của mongoDB:

- Do MongoDB sử dụng lưu trữ dữ liệu dưới dạng Document JSON nên mỗi một collection sẽ có các kích cỡ và các document khác nhau, linh hoạt trong việc lưu trữ dữ liệu.
- Dữ liệu trong MongoDB không có sự ràng buộc lẫn nhau, không có join như trong RDBMS nên khi thêm, xóa hay cập nhập nó không cần phải mất thời gian kiểm tra xem có thỏa mãn các ràng buộc dữ liệu như trong RDBMS.
- MongoDB rất dễ mở rộng (Horizontal Scalability). Trong MongoDB có một khái niệm cluster là cụm các node chứa dữ liệu giao tiếp với nhau, khi muốn mở rộng hệ thống người dùng chỉ cần thêm một node với vào cluster:
- Trường dữ liệu "_id" luôn được tự động đánh index (chỉ mục) để tốc độ truy vấn thông tin đạt hiệu suất cao nhất.
- Khi có một truy vấn dữ liệu, bản ghi được cached lên bộ nhớ Ram, để phục vụ lượt truy vấn sau diễn ra nhanh hơn mà không cần phải đọc từ ổ cứng.
- Hiệu năng cao: Tốc độ truy vấn (find, update, insert, delete) của MongoDB nhanh hơn hẳn so với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ (RDBMS). Với một lượng dữ liệu đủ

lớn thì thử nghiệm cho thấy tốc độ insert của MongoDB có thể nhanh tới gấp 100 lần so với MySQL.

Nhược điểm của mongoDB:

- Một ưu điểm của MongoDB cũng chính là nhược điểm của nó. MongoDB không có các tính chất ràng buộc như trong RDBMS nên khi thao tác với mongoDB thì phải hết sức cẩn thận.
- Tốn bộ nhớ do dữ liệu lưu dưới dạng key-value, các collection chỉ khác về value do đó key sẽ bị lặp lại. Không hỗ trợ join nên dễ bị dữ thừa dữ liệu.

Lý do sử dụng MongoDB:

- Sử dụng dữ liệu dưới dạng JSON nên để dành giao tiếp, sử dụng trên javascript và kiến trúc Restful API (vì API cũng giao tiếp bằng các endpoint methol trả về kiểu dữ liệu JSON)
- Có tốc độ truy xuất nhanh phù hợp với để xây dựng các hệ thống realtime.

2.5 React

ReactJS [4] là một thư viện JavaScript mã nguồn mở được thiết kế bởi Facebook để tạo ra những ứng dụng web hấp dẫn, nhanh và hiệu quả với mã hóa tối thiểu. Mục đích cốt lõi của ReactJS không chỉ khiến cho trang web phải thật mượt mà còn phải nhanh, khả năng mở rộng cao và đơn giản. Sức mạnh của nó xuất phát từ việc tập trung vào các thành phần riêng lẻ. Chính vì vậy, thay vì làm việc trên toàn bộ ứng dụng web, ReactJS cho phép một developer có thể phá vỡ giao diện người dùng phức tạp thành các thành phần đơn giản hơn.

Uu điểm của React:

- Reactjs cực kì hiệu quả: Reactjs tạo ra cho chính nó DOM ảo nơi mà các component thực sự tồn tại trên đó. Điều này sẽ giúp cải thiện hiệu suất rất nhiều. Reactjs cũng tính toán những thay đổi nào cần cập nhật len DOM và chỉ thực hiện chúng. Điều này giúp Reactjs tránh những thao tác cần trên DOM mà nhiều chi phí.
- Render tầng server: Reactjs là một thư viện component, nó có thể vừa render ở ngoài trình duyệt sử dụng DOM và cũng có thể render bằng các chuỗi HTML mà server trả về.
- Có nhiều công cụ phát triển giúp debug code dễ dàng hơn.

 Hiệu năng cao đối với các ứng dụng có dữ liệu thay đổi liên tục, dễ dàng cho bảo trì và sửa lỗi.

Nhược điểm của React:

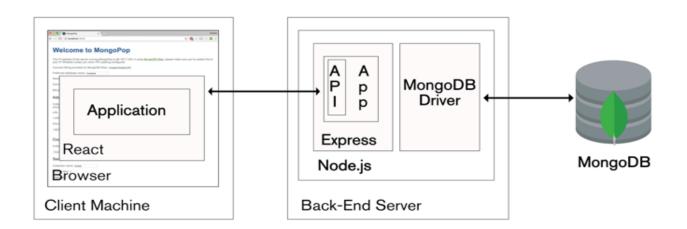
- Reactjs chỉ phục vụ cho tầng View. React chỉ là View Library nó không phải là một MVC framework như những framework khác. Đây chỉ là thư viện của Facebook giúp render ra phần view. Vì thế React sẽ không có phần Model và Controller, mà phải kết hợp với các thư viện khác. React cũng sẽ không có 2-way binding hay là Ajax
- Tích hợp Reactjs vào các framework MVC truyền thống yêu cầu cần phải cấu hình lại.
- Render tầng server: Nên không tối ưu SEO và thời gian tải trang.

Lý do sử dụng React:

- Hiểu qua cao bởi React sử dụng so sách DOM ảo của nó để thực hiện cập nhập những thay đổi trên trên DOM, nên không gây ra nhiều hoa tốn chi phí khi render lại DOM.
- Render ở tầng server thích hợp ứng dụng tạo trang web single-page application.

2.6 MERN Stack

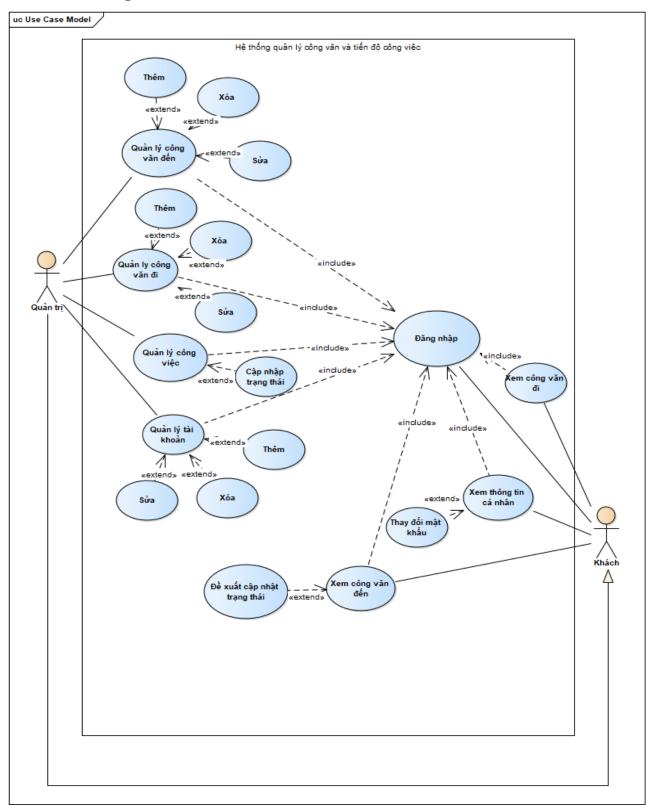
MERN [5] là từ viết tắt của MongoDB, Express JS, React JS và Node JS. MERN Stack là sự kết hợp của các công nghệ trên, tất cả dựa trên JavaScript, được sử dụng để xây dựng các ứng dụng web nâng cao. Nó là một full stack development framework mã nguồn mở, tức là nó cung cấp toàn bộ các thành phần phát triển front-end đến back-end.



Hình 2.2 MERN hoạt động

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ

3.1 Use case diagram



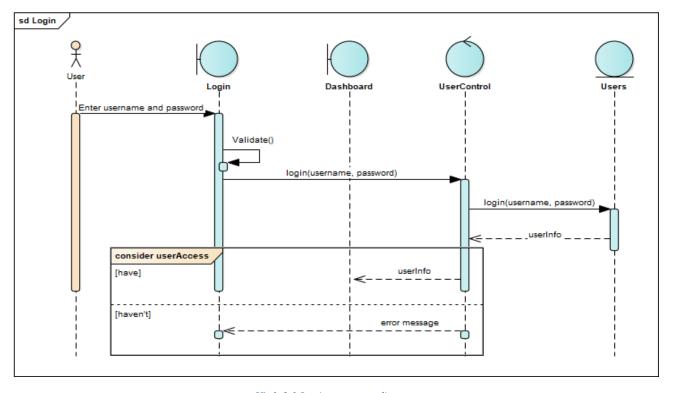
Hình 3.1 Use case diagram

3.2 Đặc tả use case

3.2.1 Đăng nhập

- Đặc tả use case

| Tên use case | Đăng nhập | |
|-------------------|---|--|
| Tác nhân | Quản trị, khách | |
| Mô tả | Người dùng sử dụng username, password của mình để đăng nhập. | |
| Tiền điều kiện | 1 iguer aung au aging acommine, passivera aun immi au aung inigh. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Truy cập hệ th | nống. ne và password, nhấn nút | 2. Chuyển đến trang đăng nhập. |
| | | 4. Xác minh username, password.5. Chuyển hướng trang theo quyền truy cập của tài khoản. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| | | 4.1 Username, password không chính xác, hiển thị thông báo. |
| Hậu điều kiện | Người dùng đăng nhập thà năng khác | nh công vào hệ thống để thực hiện các chức |

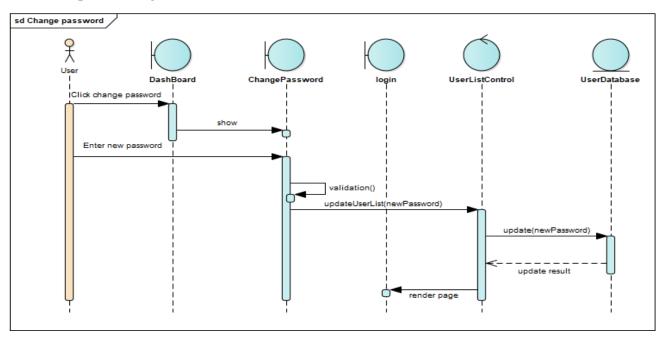


Hình 3.1 Login sequence diagram

3.2.2 Thay đổi mật khẩu

- Đặc tả use case

| Tên use case | Thay đổi mật khẩu | |
|-------------------|---|---|
| Tác nhân | Quản trị, khách | |
| Mô tả | Khi nhười dùng muốn thay | đổi mật khẩu. |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| - 9 | ng tin cá nhân, chọn thay đổi | |
| mật khẩu. | | , , , |
| | | 2. Hiển thị form thay đổi mật khẩu. |
| 3. Hoàn tât form | thay đổi mật khẩu. | 4 3 |
| | | 4. Kiểm tra password mới hợp lệ. |
| | | 5. Thay đổi mật khẩu người dùng bằng mật khẩu mới. |
| | | |
| | | 6. Đăng xuất tài khoản hiện tại, chuyển hướng sang trang đặng nhập. |
| | | nuong sang trang tang map. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| | | 5.1 Password không hợp lệ. |
| | | 6.1 Hiển thị thông báo từ chối thay đổi. |
| Hậu điều kiện | Mật khẩu được thay đổi thà | nh mật khẩu mới. |

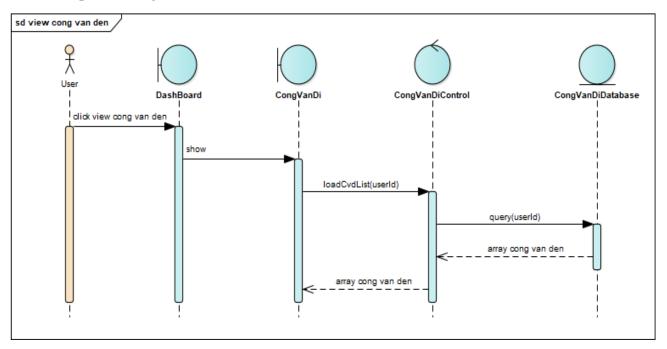


Hình 3.2 Change password sequence diagram

3.2.3 Xem công văn đến

- Đặc tả use case

| Tên use case | Xem danh sách công văn đến. | |
|---|--|---|
| Tác nhân | Quản trị, khách. | |
| Mô tả | Quản trị có thể xem tất cả các công văn đến, khách có thể xem tất cả các | |
| | công văn đến được giao cho mình. | |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập hệ | thống. | |
| 2. Chọn công vă | n đến. | |
| | | 3. Hiển thị danh sách công văn đến theo |
| | | quyền truy cập. |
| 4. Double click vào công văn đến muốn xem | | |
| chi tiết. | | |
| | | 5. Hiển thị chi tiết công văn đến và file pdf |
| | | kèm theo. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| | | |
| Hậu điều kiện | Người dùng có thể xem danh sách công văn đến và có thể thao tác tạo, sắp | |
| | xếp, lọc, xem chi tiết trên danh sách công văn đến. | |

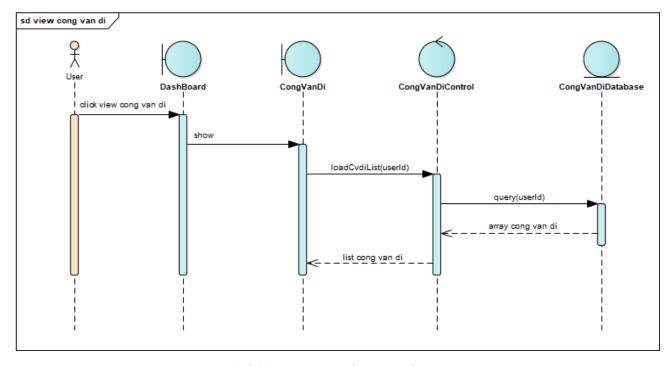


Hình 3.3 View cong van den sequence diagram

3.2.4 Xem công văn đi

- Đặc tả use case

| Tên use case | Xem danh sách công văn đi. | |
|--|---|--|
| Tác nhân | Quản trị, khách. | |
| Mô tả | Quản trị có thể xem tất cả các công văn đi, khách có thể xem tất cả các | |
| | công văn đi mà họ được nhậ | àn. |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Đăng nhập hệ | thống. | |
| 2. Chọn công vă | n đi. | |
| | | 3. Hiển thị danh sách công văn đi theo quyền |
| | _ | truy cập. |
| 4. Double click vào công văn đi muốn xem | | |
| chi tiết. | | , |
| | | 5. Hiến thị chi tiết công văn đi và file pdf |
| | | kèm theo. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng Hệ thống | | Hệ thống |
| | | |
| Hậu điều kiện | Người dùng có thể xem danh sách công văn đi và có thể thao tác tạo, sắp | |
| | xếp, lọc, xem chi tiết trên danh sách công văn đi. | |

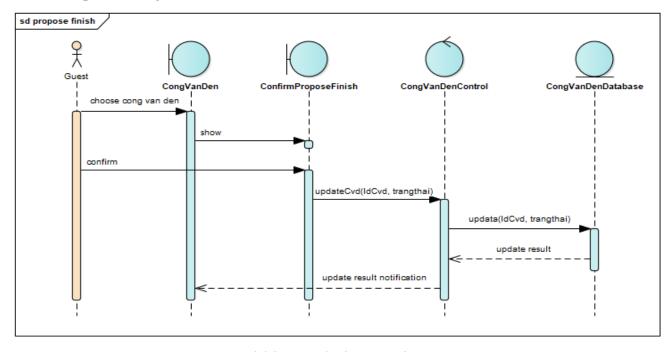


Hình 3.4 View cong van di sequence diagram

3.2.5 Đề xuất cập nhập trang thái

- Đặc tả use case

| Tên use case | Đề xuất hoàn thành. | |
|------------------------------------|------------------------------|--|
| Tác nhân | Khách. | |
| Mô tả | Sau khi khách hoàn tất công | văn được giao người thực hiện sẽ gửi yêu cầu |
| | đề xuất cập trang thái đến q | uản trị viện. |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập | vào hệ thống. |
| Luồng sự kiện | | • |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn công vă | n đến. | |
| | | 2. Hiển thị danh sách công văn đến theo |
| | | quyền truy cập. |
| 3. Chọn đề xuất | trang thái hoàn thành ở công | |
| văn người thực hiện đã hoàn thành. | | |
| | | 4. Chuyển trạng thái công văn đó sang đề |
| | | xuất hoàn thành. |
| | | 5. Gửi thông báo đề xuất hoàn thành cho |
| | | quản trị viên. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| | | |
| Hậu điều kiện | | n thành đề xuất hoàn thành và quản trị viên |
| | nhận được thông báo đề xuấ | ất hoàn thành. |



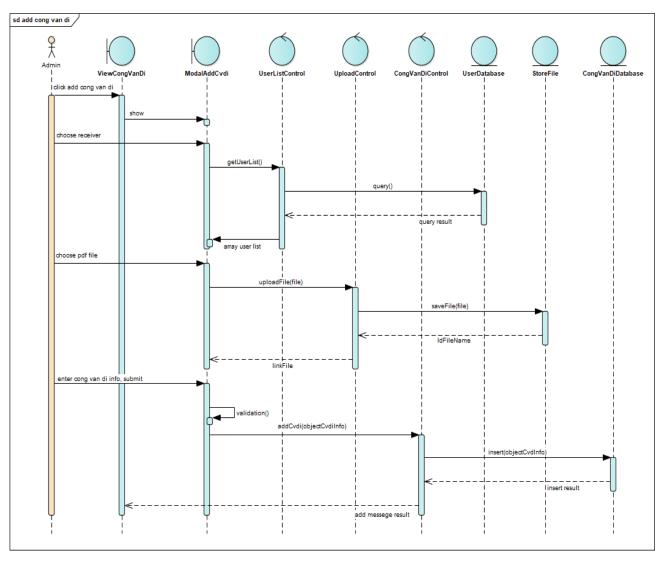
Hình 3.5 Propose finish sequence diagram

3.2.6 Thêm công văn đi

- Đặc tả use case

| Tên use case | Thêm công văn đi | |
|-------------------------------------|---|--|
| Tác nhân | Quản trị viên. | |
| Mô tả | Cho phép người dùng có thể tạo công văn đi, công văn đi được tạo thành công sẽ chuyển đến người nhận. | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập tài khoản với quyền quản trị viên. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn công vă | n đi. | |
| 2. Chọn thêm cô | ong văn đi. | |
| | | 3. Hiến thị form tạo công văn đi. |
| 4. Chọn người th | | |
| 5. Chọn người th | nực hiện chính. | |
| | | 5. Truy vấn lấy danh sách người dùng. |
| 6. Chọn file đính | n kèm. | |
| 0. D:3 6 4 | | 7. Lưu file đính kèm. |
| 8. Điền số công | | |
| 9. Chọn loại côn | C | |
| 10. Điền đơn vị | ~, | |
| 11. Chọn ngày đ 12. Chon thời ha | | |
| 13. Điền tóm tặt | | |
| _ | nọi dung. ng bút phê của lãnh đạo. | |
| 15. Nhấn tạo côi | | |
| 13. Iviian tạo coi | ng van di. | 16. Kiểm tra dữ liệu form hợp lệ. |
| | | 17. Thêm vào danh sách công văn đi, gửi |
| | | thông báo có công văn đi mới đến người |
| | | được nhân. |
| Luồng sự kiện p | hu | |
| Người dùng | • | Hệ thống |
| 5 5 | | 16.1 Dữ liệu không hợp lệ. Hiển thị thông |
| | | báo ở form không hợp lệ |
| Hậu điều kiện | Công văn tạo thành công s | ẽ thêm vào danh sách công văn đi. Người nhận |
| | sẽ nhận được thông báo có | |
| · | • | - |

⁻ Sequence diagram



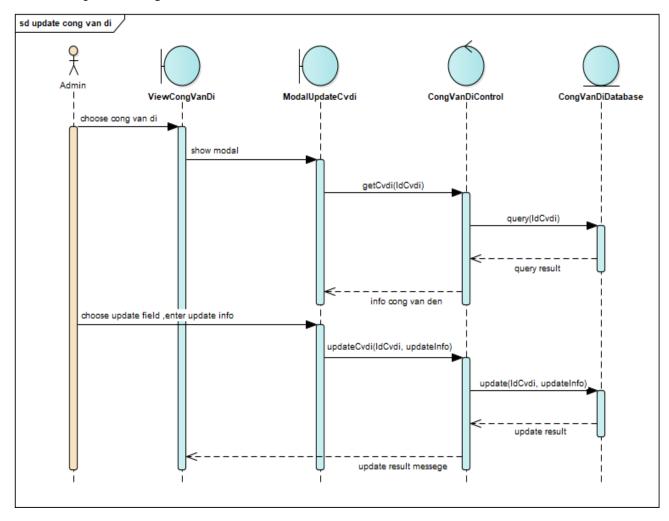
Hình 3.6 Add cong van di sequence diagram

3.2.7 Sửa công văn đi

- Đặc tả use case

| Tên use case | Sửa công văn đi | |
|------------------|------------------------------|--|
| Tác nhân | Quản trị viên. | |
| Mô tả | Khi người dùng tạo sai có th | ể sử dụng sửa công văn đi để cập nhật lại công |
| | văn đi đã tạo. | |
| Tiền điều kiện | | o tài khoản có quyền quản trị viên. Công văn |
| | cần sửa phải được tạo trước | và có trong danh sách công văn đi. |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn quản lý | công văn đi. | |
| | _ | 2. Hiển thị danh sách công văn đi. |
| 3. Chọn biểu tượ | yng edit ở công văn đi muốn | |
| sửa. | | |
| | | 4. Hiển thị form cập nhật công văn đi. |

| 5. Thay đổi trên 1 hoặc nhiều field thông tin công văn đi.6. Nhấn nút cập nhập. | 7. Kiểm tra thông tin form hợp lệ. 8. Cập nhập danh sách công văn đi của quản trị viện và danh sách công văn đi của người dùng được nhân. |
|--|--|
| Luồng sự kiện phụ | |
| Người dùng | Hệ thống |
| | 7.1. Dữ liệu không hợp lệ, hiển thi thông báo |
| | dưới form. |
| Hậu điều kiện Thông tin công văn được cậ | ip nhật lại. |

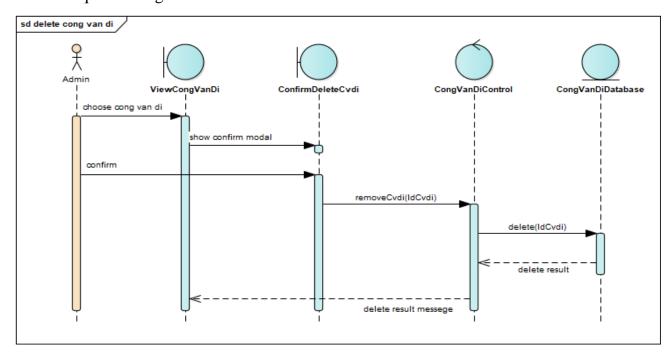


Hình 3.7 Update cong van di sequence diagram

3.2.8 Xóa công văn đi

- Đặc tả use case

| Tên use case | Xóa công văn đi | |
|-------------------|---|--|
| Tác nhân | Quản trị viên. | |
| Mô tả | Khi người dùng tạo sai có thể sử dụng xóa công văn đi để xóa công văn | |
| | đi ra khỏi danh sách. | |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập tài khoản có quyền quản trị viên. Công văn | |
| | phải được tạo trước và có trong danh sách công văn. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn quản lý | công văn đi. | |
| | | 2. Hiển thị danh sách công văn đi. |
| 3. Chọn biểu tư | ợng xóa ở công văn muốn | |
| xóa. | | |
| | | 4. Hiển thị thông báo xác nhận xóa công văn. |
| 5. Chọn xóa. | | |
| | | 5. Xóa khỏi danh sách công văn đi của quản |
| | | trị viện và danh sách công văn đi của người |
| | | dùng được nhận |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 5.1 Chọn hủy. | | |
| | | 5.1.1 Đóng thông báo xác nhận xóa. |
| Hậu điều kiện | Công văn được xóa khỏi danh sách công văn đi. | |

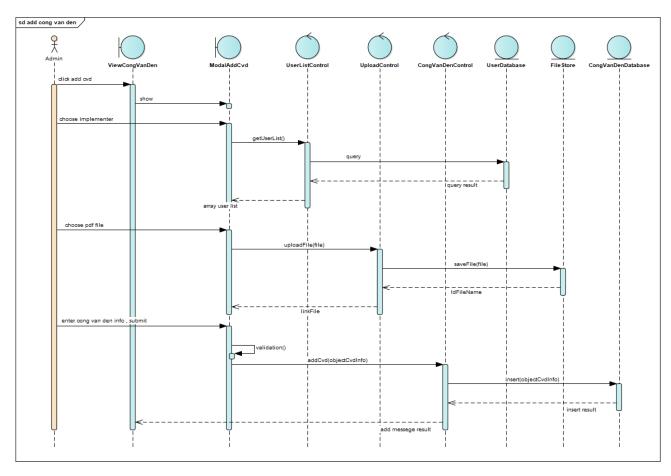


Hình 3.8 Delete cong van di sequence diagram

3.2.9 Thêm công văn đến

- Đặc tả use case

| Tên use case | Thêm công văn đến | |
|--|--|--|
| Tác nhân | Quản trị viên. | |
| Mô tả | Cho phép người dùng có thể tạo công văn đến, công văn đến được tạo thành công sẽ chuyển đến người thực hiện. | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập tài khoản với quyền quản trị viên. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn công vă | n đến. | |
| 2. Chọn thêm cô | ong văn đến. | |
| | _ | 3. Hiển thị form tạo công văn đến. |
| 4. Chọn tác giả. | | |
| 5. Chọn người n | hận. | |
| 6. Chọn người th | nực hiện | |
| | | 7. Truy vấn lấy danh sách người dùng. |
| 8. Chọn file dính | ı kèm. | |
| | | 9. Lưu file dính kèm. |
| 10. Điền số công | 10. Điền số công văn. | |
| 11. Chọn loại cổ | ong văn. | |
| 12. Chọn ngày t | háng. | |
| | 13. Điền tóm tắt nội dung công văn. | |
| 14. Nhấn nút tạc | o công văn đến. | |
| | _ | 15. Kiểm tra dữ liệu hợp lệ. |
| | | 16. Công văn đến không thời hạn: thêm vào |
| | | danh sách công văn đến của quản trị viên và |
| | | người thực hiện, thông báo có công văn đến |
| | | mới được gửi tới người thực hiện. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| | | 16.1 Công văn đến có thời hạn: thêm vào |
| | | danh sách công văn đến của quản trị viên, |
| | | người thực hiện và danh sách quản lý công |
| | | việc của quản trị, thông báo có công văn đến |
| | | mới được gửi tới ngưởi thực hiện. |
| Hậu điều kiện | | thêm vào danh sách công văn đến. Người thực |
| hiện sẽ nhận được thông báo có công văn đến mới. | | |



Hình 3.9 Add cong van den sequence diagram

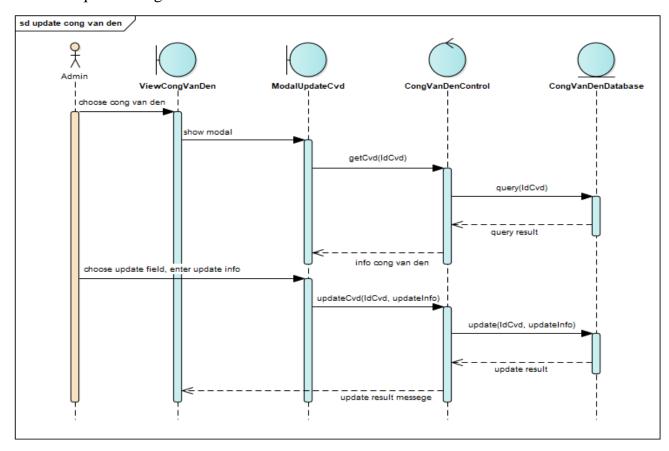
3.2.10 Sửa công văn đến

- Đặc tả use case

| | 1 | |
|---|--|---|
| Tên use case | Sửa công văn đến | |
| Tác nhân | Quản trị viên. | |
| Mô tả | Khi người dùng tạo sai có thể sử dụng sửa công văn đến để cập nhật lại | |
| | công văn đến đã tạo. | |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập tài khoản có quyền quản trị viên. Công văn | |
| | cần sửa phải được tạo trước | và có trong danh sách công văn đến. |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn quản lý công văn đến. | | |
| | | 2. Hiển thị danh sách công văn đến. |
| 3. Chọn biểu tượng edit ở công văn đến | | |
| muốn sửa. | | |
| | | 4. Hiển thị form cập nhật công văn đến. |
| | _ | |
| 5. Thay đổi trên 1 hoặc nhiều field thông tin | | |
| công văn đến. | | |
| 6. Nhấn nút cập nhập. | | |

| | 7. Kiểm tra thông tin form hợp lệ. |
|--------------------------------------|--|
| | 8. Công văn đến không thời hạn: cập nhập |
| | danh sách công văn đến của quản trị viên và |
| | người thực hiện. |
| Luồng sự kiện phụ | |
| Người dùng | Hệ thống |
| | 7.1 Dữ liệu không hợp lệ, hiển thi thông báo |
| | dưới form. |
| | 8.1 Công văn đến có thời hạn: cập nhập danh |
| | sách công văn đến của quản trị viên, người |
| | thực hiện và danh sách quản lý công việc của |
| | quản trị. |
| Hậu điều kiện Thông tin công văn đến | dược cập nhật lại. |

- Sequence diagram



Hình 3.10 Update cong van den sequence diagram

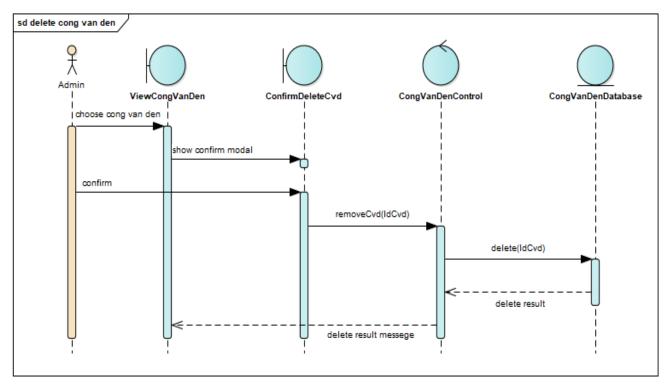
3.2.11 Xóa công văn đến

- Đặc tả use case

| Tên use case | Xóa công văn đến |
|--------------|--|
| Tác nhân | Quản trị viên. |
| Mô tả | Khi người dùng tạo sai có thể sử dụng xóa công văn đến để xóa công văn đến ra khỏi danh sách công văn đến. |

Nguyễn Quang Thọ - Huỳnh Huy Hoàng

| Tiền điều kiện Người dùng phải đăng nhập | kiện Người dùng phải đăng nhập tài khoản có quyền quản trị viên. Công văn | |
|--|---|--|
| phải được tạo trước và có trong danh sách công văn đến. | | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | Hệ thống | |
| 1. Chọn quản lý công văn đến. | | |
| . 1 , 5 | 2. Hiển thị danh sách công văn đến. | |
| 3. Chọn biểu tượng xóa ở công văn muốn | | |
| xóa. | | |
| | 4. Hiển thị thông báo xác nhận xóa công văn. | |
| 5. Chọn xóa. | | |
| · | 6. Công văn đến không thời hạn: xóa khỏi | |
| | danh sách công văn đến của quản trị viên và | |
| | người thực hiện. | |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | Hệ thống | |
| 5.1 Chọn hủy. | | |
| . , | 5.1.1 Đóng thông báo xác nhận xóa. | |
| | 6.1 Công văn đến có thời hạn: xóa khỏi danh | |
| | sách công văn đến của quản trị viên, người | |
| | thực hiện và danh sách quản lý công việc của | |
| | quản trị. | |
| Hậu điều kiện Công văn được xóa khỏi danh sách công văn đến. | | |

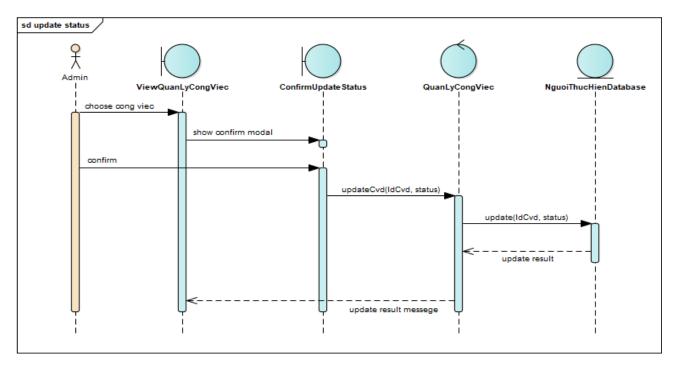


Hình 3.11 Delete cong van den sequence diagram

3.2.12 Cập nhập trạng thái

- Đặc tả use case

| Tên use case | Cập nhập trạng thái. | |
|--|--|---|
| Tác nhân | Quản trị viên. | |
| Mô tả | Sau khi nhận được đề xuất cập nhật trạng thái hoàn thành từ người thực | |
| | hiện, quản trị viên có thể xác nhận công văn đó hoàn thành bằng cách cập | |
| | nhập trạng thái của công văi | |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị, công văn | |
| | đang ở trạng thái đề xuất ho | àn thành. |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn quản lý | công việc. | |
| | | 2. Hiển thị danh sách công văn đến có thời |
| | | hạn kèm trạng thái của công văn. |
| 3. Chọn xác nhận hoàn thành tại công văn | | |
| muốn cập nhập t | rạng thái. | |
| _ | | 4. Hiển thị thông báo xác nhận hoàn thành. |
| 5. Chọn đồng ý. | | |
| | | 6. Cập nhật trạng thái hoàn thành ở danh sách |
| | | công việc và danh sách công văn đến. |
| | | 7. Gửi thông báo công văn hoàn thành đến |
| | | người thực hiện công văn. |
| Luồng sự kiện p | hụ | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 5.1 Chọn không | đồng ý | |
| | | 5.1.1 Cập nhật trạng thái từ chối đề xuất ở |
| | | danh sách công việc và danh sách công văn |
| | | đến. |
| | | 5.1.2 Gửi thông báo từ chối đề xuất đến |
| | | người thực hiện công văn. |
| Hậu điều kiện | Trạng thái của công văn được cập nhập và người tạo công văn thực hiện | |
| | được thông báo trạng thái được cập nhập. | |

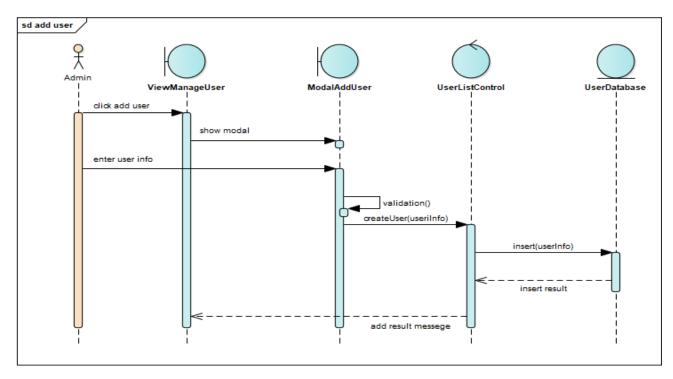


Hình 3.12 Update status sequence diagram

3.2.13 Thêm người dùng

- Đặc tả use case

| Tên use case | Thêm người dùng | |
|-------------------|--|---|
| Tác nhân | Quản trị. | |
| Mô tả | Quản trị có thể tạo tài khoản người dùng mới. | |
| Tiền điều kiên | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị. | |
| Luồng sự kiện | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| 1. Chọn quản lý | người dùng. | |
| | | 2. Hiển thị danh sách người dùng. |
| 3. Chọn thêm ng | gười dùng. | |
| | | 4. Hiển thị form thêm người dùng. |
| 5. Hoàn tất form | rm thêm người dùng. | |
| | | 6. Kiểm tra thông tin form hợp lệ. |
| | | 7. Thêm tài khoản mới tạo vào danh sách |
| | | người dùng. |
| Luồng sự kiện phụ | | |
| Người dùng | | Hệ thống |
| | | 6.1 Thông tin form không hợp lệ. Hiển thị |
| | | thông báo không hợp lệ dưới form. |
| Hậu điều kiện | Người dùng có đăng nhập b | ằng tài khoản mới. |

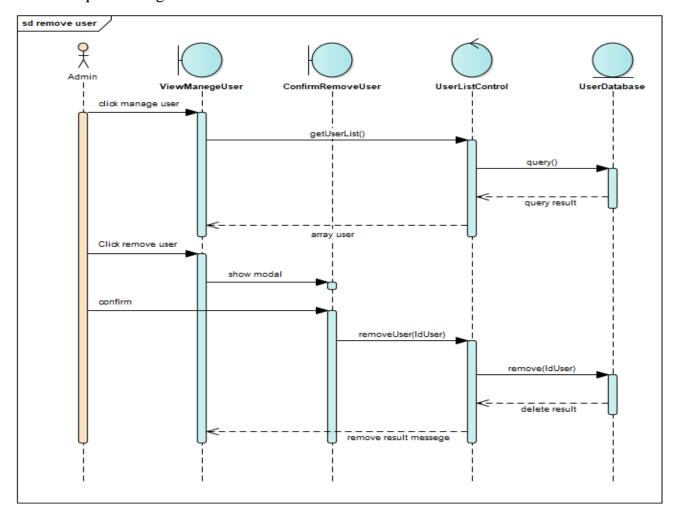


Hình 3.13 Add user sequence diagram

3.2.14 Xóa người dùng

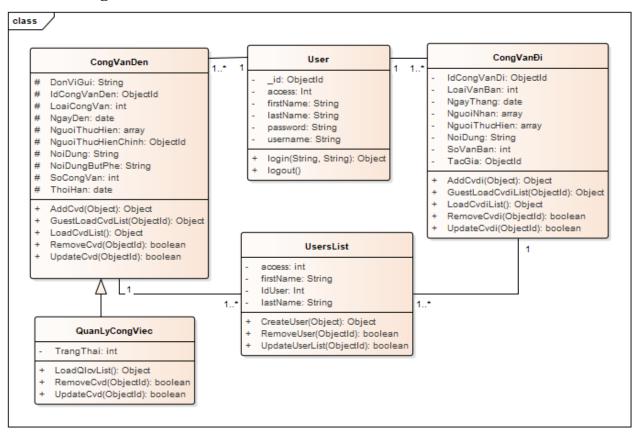
- Đặc tả use case

| Tên use case | Xóa người dùng | | |
|-------------------------------|--|--|--|
| Tác nhân | Quản trị. | | |
| Mô tả | Quản trị có thể xóa tài khoản người dùng. | | |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị. | | |
| Luồng sự kiện | | | |
| Người dùng | | | |
| 1. Chọn quản lý | người dùng. | 2. Hiển thị danh sách người dùng. | |
| 3. Chọn biểu tươ muốn xóa. | ợng thùng rác ở người dùng | 4. Hiển thị thông báo xác nhận xóa. | |
| 5. Chọn đồng ý. | | 6. Xóa tài khoảng khỏi danh sách người | |
| | | dùng. | |
| Luồng sự kiện phụ | | | |
| Người dùng | | Hệ thống | |
| 5.1 Chọn hủy. | | | |
| | , | 5.1.1 Đóng thông báo xác nhận xóa. | |
| Hậu điều kiện | Tài khoản xóa khỏi danh sá nhập. | ch người dùng và không thể sử dụng để đăng | |



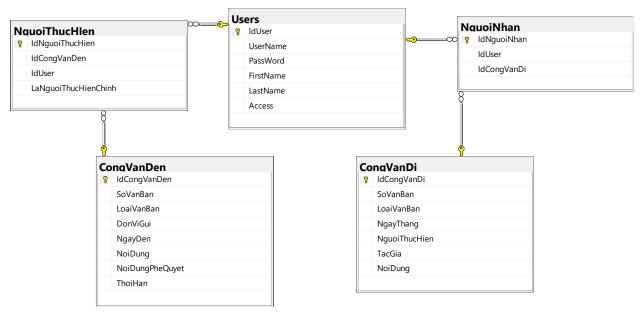
Hình 3.14 Remove user sequence diagram

3.3 Class diagram:



Hình 3.15 Class diagram

3.4 Data model



Hình 3.16 Data model diagram

3.5 Triển khai dữ liệu trên MongoBD

Collection Users " id": ObjectId, "password": String "username": String "firstname": String "lastname": String "access": Int } **Collection CongVanDen** { "_id": ObjectId, "nguoithuchien": Users_ObjectId "sovb": Int, "loaivb": Int, "donvigui": String, "ngayden": Date, "noidungvb": String, "noidungbutphe": String, "nguoithuchienchinh": User_ObjectId, "thoihan":Date, "trangthai": Int, "filepatch": String, "filename": String, Collection CongVanDi { "_id": ObjectId, "nguoithuchien": Users_ObjectId, "nguoinhan": Users_ObjectId, "sovb": Int, "loaivb": Int, "ngaythang": Date, "noidungvb": String, "tacgia": User_ObjectId "filepatch": String, "filename": String }

CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN

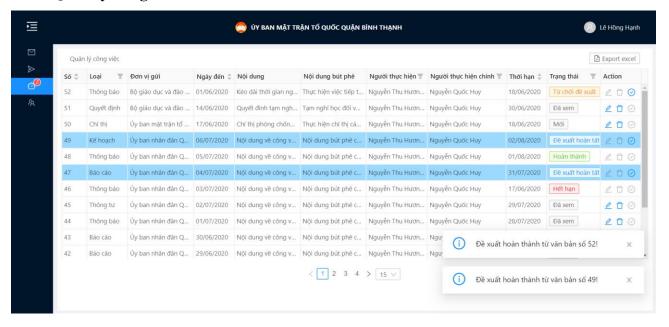
4.1 Xây dựng ứng dụng trên nền tảng web

4.1.1 Đăng nhập



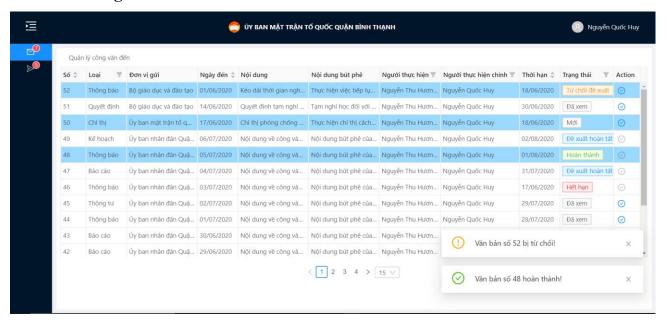
Hình 4.1 Đăng nhập

4.1.2 Quản lý công văn

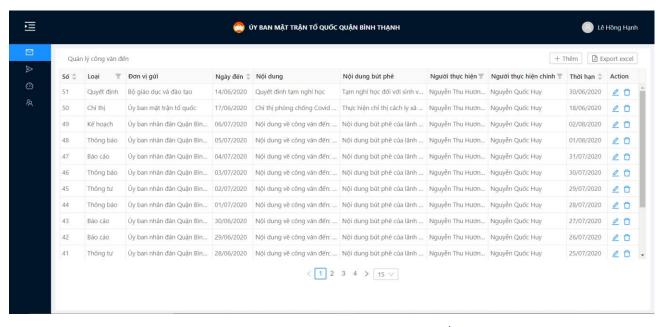


Hình 4.2 Quản lý công văn

4.1.4 Xem công văn đến

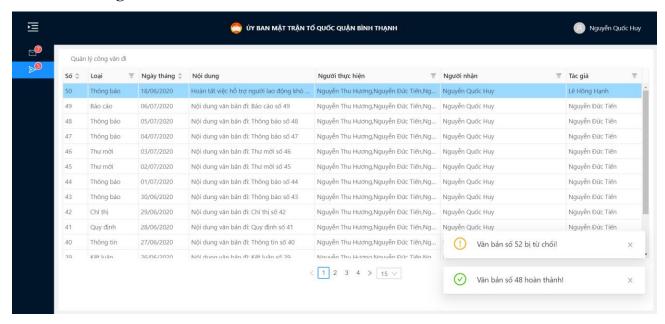


Hình 4.3 Giao điện khách xem công văn đến

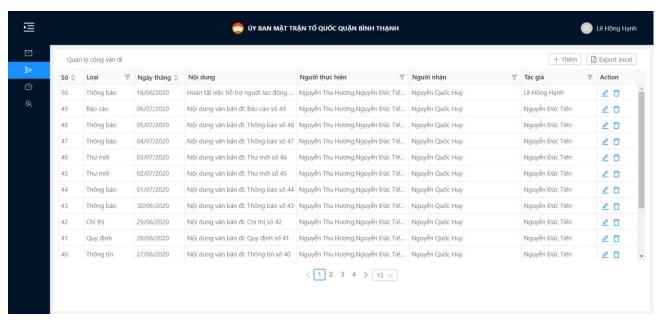


Hình 4.4 Giao điện quản trị viên xem công văn đến

4.1.5 Xem công văn đi

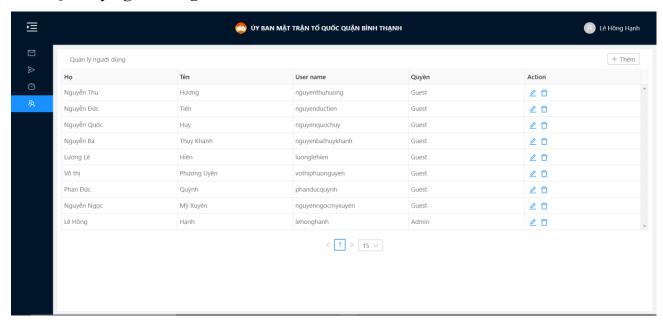


Hình 4.5 Giao điện khách xem công văn đi



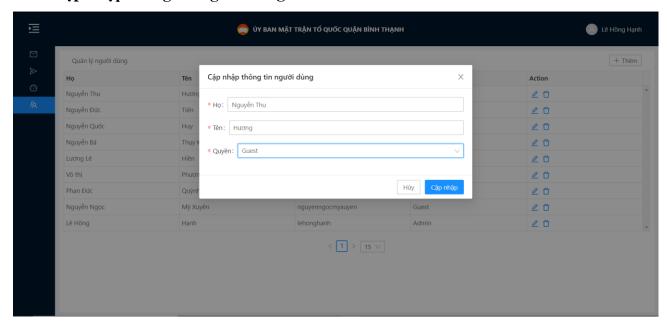
Hình 4.6 Giao điện quản trị viên xem công văn đi

4.1.6 Quản lý người dùng



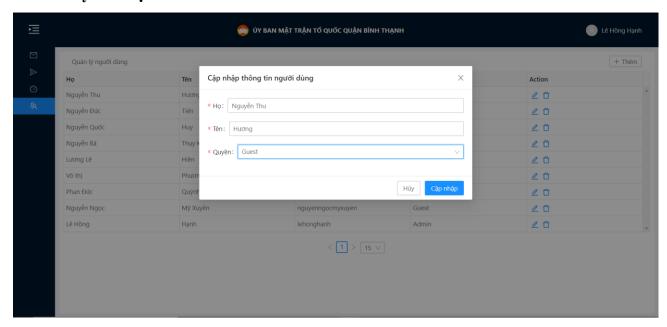
Hình 4.7 Quản lý người dùng

4.1.7 Cập nhập thông tin người dùng



Hình 4.8 Cập nhập thông tin người dùng

4.1.8 Thay đổi mật khẩu



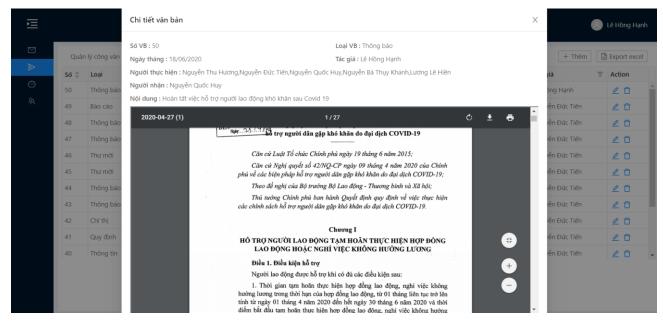
Hình 4.9 Thay đổi mật khẩu

4.1.9 Xem chi tiết công văn đến



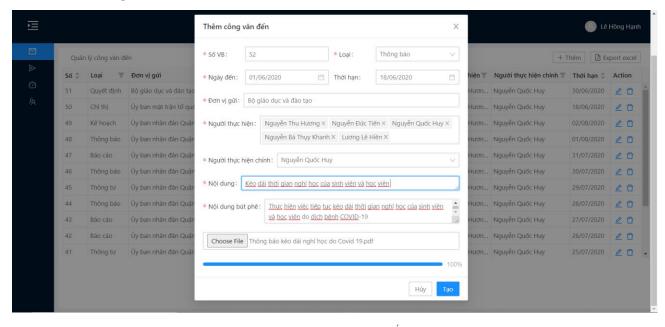
Hình 4.10 Xem chi tiết công văn đến

4.1.10 Xem chi tiết công văn đi



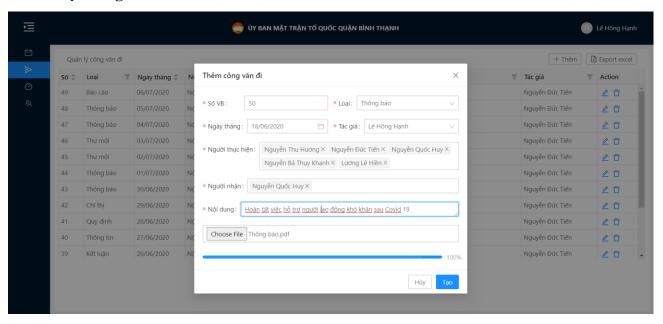
Hình 4.11 Xem chi tiết công văn đi

4.1.11 Tạo công văn đến



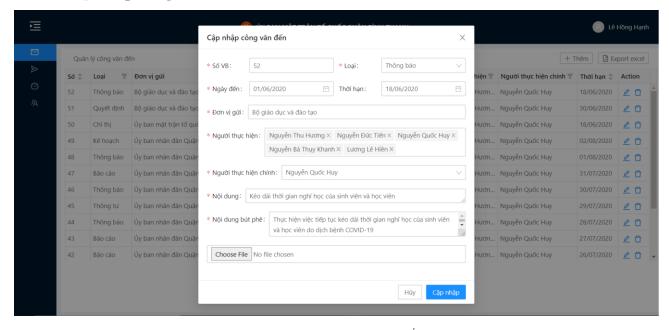
Hình 4.12 Tạo công văn đến

4.1.12 Tạo công văn đi



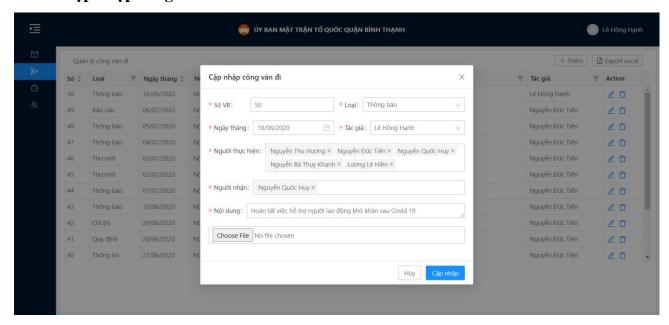
Hình 4.13 Tạo công văn đi

4.1.13 Cập nhập công văn đến



Hình 4.14 Cập nhập công văn đến

4.1.14 Cập nhập công văn đi



Hình 4.15 Cập nhập công văn

4.2 Kiểm thử phần mềm

| Tên module | Thêm công văn đến | | | | | | | |
|------------------|--------------------------------------|----------------|---|--|--|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức năng thêm công văn đến | | | | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | | | | | | | |
| Passed | 9 | Không thực thi | 0 | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 9 | | | | | |

| Mã kịch bản thử nghiệm | Kịch bản thử nghiệm | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | |
|------------------------------|---|--------------------------------|------------------------------------|--|---|---------------------------------------|--------|
| TCVD01 | Thêm công văn đến với các thông tin: Số công văn, loại công văn, ngày đến, thới hạn, đơn vị thực hiện, người thực hiện, người thực hiện chính, nội dung, nội dung bút phê, file upload. | TCVD01_TH01 | Kiểm tra dữ liệu hợp lệ | Điền số văn bản. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "52" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Tạo công văn đến thành công. | Passed |

| TCVD01_TH02 h | ký tự không | Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Xóa giá trị số công văn không hợp lệ. Thông báo: "Bắt buộc nhập số công văn" | Passed |
|---------------|-------------------------------|--|---|--|--------|
| TCVD01_TH03 | Không chọn loại văn bản | 8. Điền nội dung phê quyệt. | Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc | Thông báo: "Bắt buộc chọn loại công văn" | Passed |

| | TCVD01_TH04 | Không chọn ngày đến hoặc ngày đến không đúng format | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "54" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Xóa giá trị ngày đến không hợp lệ. Thông báo: "Bắt buộc chọn ngày đến công văn" | Passed |
|--|-------------|---|---|---|---|--------|
| | TCVD01_TH04 | Không chọn thời hạn. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "54" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Tạo công văn đến thành công. | Passed |

| | TCVD01_TH05 | Không điền dơn vị gửi. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "52" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Thông báo: "Bắt buộc điền đơn vị gửi" | |
|--|-------------|--------------------------------------|---|---|--|--------|
| | TCVD01_TH06 | Không chọn người thực hiện. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "52" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "" Người thực hiện chính: "" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Không thể chọn người thực hiện chính.Th ông báo: "Bắt buộc chọn người thực hiện" | Passed |

| | TCVD01_TH06 | Không chọn người thực hiện chính. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Điền nội dung công văn. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | - 1811, | Thông báo: "Bắt buộc chọn người thực hiện chính" | Passed |
|--|-------------|---|--|---|---|--------|
| | TCVD01_TH07 | Không điền nội dung công văn. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "52" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Thông báo: "Bắt buộc điền nôi dung công văn" | Passed |

| | TCVD01_TH08 | Không điền nội dung bút phê. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dung phê quyệt. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "52" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Thông báo: "Bắt buộc điền nôi dung phê quyệt" | |
|--|-------------|---------------------------------------|--|--|--|--------|
| | TCVD01_TH09 | Không chọn file upload. | Điền số công văn đến. Chọn loại văn bản. Chọn ngày đến. Chọn thời hạn. Điền đơn vị gửi. Chọn người thực hiện. Chọn người thực hiện chính. Điền nội dungcông văn. Điền nội dung phê quyệt. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "52" Loại công văn: "Thông báo" Ngày đền: "01/02/2020" Thời hạn: "18/06/2020" Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" Nội dung: "Kéo dài thời gian nghỉ học" Nội dung bút phê: "Thực hiện tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ học do Covid 19" File: "" | Thông báo: "Bắt buộc chọn file upload" | Passed |

| Tên module | Thêm công vă | Thêm công văn đi | | | | | | | |
|------------------|-------------------------------------|------------------|---|--|--|--|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức năng thêm công văn đi | | | | | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | Cao | | | | | | | |
| Passed | 8 | Không thực thi | 0 | | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 8 | | | | | | |

| - | Mã kịch bản thử nghiệm | Kịch bản thử nghiệm | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | Tình trạng |
|---|------------------------------|--|-----------------------------|---------------------------------|---|---|--------------------------------|---------------|
| | TCVDI01 | Thêm công văn đi với các thông tin: Số công văn, loại công văn, ngày tháng, tác giả, người thực hiện, người nhận, file upload. | TCVDI01_TH01 | Kiểm tra dữ liệu hợp lệ | Điền số văn bản. Chọn loại văn bản. Chọn ngày tháng. Chọn người thực hiện. Chọn tác giả. Chọn người nhận. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "50" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Người nhận: "Nguyễn Quốc Huy" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Tạo công văn đi thành công. | Passed |

| | TCVDI01_TH02 | Không điền số văn bản hoặc điền ký tự không phải là số. | Chọn loại công văn. Chọn ngày tháng. Chọn người thực hiện. Chọn tác giả. Chọn người nhận. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Nguyễn Đức Tiến" Nguyễn Đức Tiến" Nguyễn Đức Tiến" Nguyễn bức Tiến" Nguyễn bức Tiến" Nguyễn Quốc Huy" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Xóa giá trị số công văn không hợp lệ. Thông báo: "Bắt buộc nhập số công văn" | Passed |
|--|--------------|---|--|---|--|--------|
| | TCVDI01_TH03 | Không chọn loại công văn. | Điền số công văn. Chọn ngày tháng. Chọn người thực hiện. Chọn tác giả. Chọn người nhận. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "51" Loại công văn: "" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Người nhận: "Nguyễn Quốc Huy" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | "Bắt buộc chọn loại công văn" | Passed |

| | TCVDI01_TH04 | Không chọn ngày tháng hoặc ngày tháng không đúng format | Điền số công văn. Chọn loại công văn. Chọn người thực hiện. Chọn tác giả. Chọn người nhận. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "51" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Người nhận: "Nguyễn Quốc Huy" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | hợp lệ. Thông báo: "Bắt buộc chọn ngày tháng | Passed |
|--|--------------|---|---|---|---|--------|
| | TCVDI01_TH05 | Không chọn người thực hiện. | Điền số công văn. Chọn loại công văn. Chọn ngày tháng. Chọn tác giả. Chọn người nhận. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "51" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Người nhận: "Nguyễn Quốc Huy" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Thông báo: "Bắt buộc chọn người thực hiện" | Passed |

| | TCVDI01_TH06 | Không chọn tác giả. | Điền số công văn. Chọn loại công văn. Chọn ngày tháng. Chọn người thực hiện. Chọn người nhận. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "50" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "" Nguyễn Đức Tiến" Nguyễn Đức Tiến" Nguyễn Đức Tiến" Nguyễn bức Tiến" Nguyễn bức Tiến" Nguyễn Quốc Huy" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Thông báo: "Bắt buộc chọn tác giả" | Passed |
|--|--------------|---------------------------|--|---|---------------------------------------|--------|
| | TCVDI01_TH07 | Không chọn người nhận. | Điền số công văn. Chọn loại công văn. Chọn ngày tháng. Chọn người thực hiện. Chọn tác giả. Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "50" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Người nhận: "" File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Thông báo: "Bắt buộc chọn người nhận" | Passed |

| | | TCVDI01_TH08 | Không chọn tập tin dính kèm. | 4. Chọn người thực hiện. 5. Chon tác giả. | Số công văn: "50" Loại công văn: "Thông báo" Ngày tháng: "18/06/2020" Người thực hiện: "Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Đức Tiến" Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" Người nhận: "Nguyễn Quốc Huy" File: "" | Thông báo: "Bắt buộc chọn tập tin dính kèm" | Passed |
|--|--|--------------|------------------------------------|---|--|---|--------|
|--|--|--------------|------------------------------------|---|--|---|--------|

| Tên module | Cập nhập công văn đến | | | | | | |
|------------------|-----------------------|--|---|--|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức | Kiểm thử chức năng cập nhật công văn đến | | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | | | | | | |
| Passed | 9 Không thực thi 0 | | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 9 | | | | |

| Mã kịch bản thử nghiệm | <i>O</i> • | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | Tình trạng |
|---------------------------------|---|--------------------------------|---------------------------------|---|----------------------------|---|---------------|
| TCCNC VD01 | Cập nhập: Số công văn, loại công văn, ngày đến, thới hạn, đơn vị thực hiện, người thực hiện, người thực hiện chính, nội dung, nội dung bút phê, file upload của công văn đến. | | Cập nhập số công văn. | 1. Điền số văn bản. 2. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "53" | Cập nhập công văn đến thành công. | |
| | | TCCNCVD 01_TH02 | Cập nhập loại văn bản. | Chọn loại văn bản. Nhấn nút tạo. | Loại công văn: "Thông báo" | Cập nhập công văn đến thành công. | |

| | TCCNCVD 01_TH03 | Cập nhập ngày đến. | Chọn ngày đến. Nhấn nút tạo. | Ngày đền: "01/02/2020" | Cập nhập công văn đến thành công. | |
|--|--------------------|---------------------------------------|--|---|---|--|
| | TCCNCVD 01_TH04 | Cập nhập thời hạn. | Chọn thời hạn. Nhấn nút tạo. | Thời hạn: "18/06/2020" | Cập nhập công văn đến thành công. | |
| | TCCNCVD 01_TH05 | Cập nhập đơn vị gửi. | 1. Điền đơn vị gửi. 2. Nhấn nút tạo. | Đơn vị gửi: "Bộ giáo dục và đào tạo" | Cập nhập công văn đến thành công. | |
| | | Cập nhập người thực hiện chính. | Chọn người thực hiện chính. Nhấn nút tạo. | Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" | Cập nhập công văn đến thành công. | |
| | | Cập nhập người thực hiện chính. | Chọn người thực hiện chính. Nhấn nút tạo. | Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" | Cập nhập công văn đến thành công. | |
| | 01 TH09 | Cập nhập người thực hiện chính. | Chọn người thực hiện chính. Nhấn nút tạo. | Người thực hiện chính: "Nguyễn Quốc Huy" | Cập nhập công văn đến thành công. | |

| Tên module | Cập nhật công văn di | | | | | | |
|------------------|----------------------|---|---|--|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức | Kiểm thử chức năng cập nhật công văn di | | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | | | | | | |
| Passed | 7 Không thực thi 0 | | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 7 | | | | |

| Mã kịch bản thử nghiệm | Kịch bản thử nghiệm | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | Tình trạng |
|------------------------------|--|--------------------------------|------------------------------|---|----------------------------|--|---------------|
| TCCNVD I01 | Cập nhật: Số công văn, loại công văn, ngày tháng, tác giả, người thực hiện, người nhận, file upload của công văn đi. | TCCNVDI01 _TH01 | Cập nhập số văn bản. | 1. Điền số văn bản. 2. Nhấn nút tạo. | Số công văn: "54" | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |
| | | TCCNVDI01 _TH02 | Cập nhập loại văn bản. | Chọn loại văn bản. Nhấn nút tạo. | Loại công văn: "Thông báo" | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |
| | | TCCNVDI01 _TH03 | Cập nhập ngày tháng. | Chọn ngày tháng. Nhấn nút tạo. | Ngày tháng: "18/06/2020" | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |

| | | Cập nhập người thực hiện. | Chọn người thực hiện. Nhấn nút tạo. | Huy, Nguyên Thu Hương. | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |
|--|--------------------|-------------------------------|---|--|--|--------|
| | TCCNVDI01 _TH05 | Cập nhập tác giả. | Chọn tác giả. Nhấn nút tạo. | Tác giả: "Lê Hồng Hạnh" | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |
| | TCCNVDI01 _TH06 | Cập nhập người nhận. | Chọn người nhận. Nhấn nút tạo. | Người nhận: "Nguyễn Quốc Huy" | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |
| | TCCNVDI01 _TH07 | Cập nhập tập tin đính kèm. | Chọn tập tin đính kèm. Nhấn nút tạo. | File: "Thông báo tiếp tục kéo dài nghỉ học do Covid 19.pdf" | Cập nhập công văn đi thành công. | Passed |

| Tên module | Đăng nhập | | | | | |
|------------------|--------------------|------------------------------|---|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức | Kiểm thử chức năng đăng nhập | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | | | | | |
| Passed | 4 Không thực thi 0 | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 4 | | | |

| Mã kịch bản thử nghiệm | Kịch bản thử nghiệm | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | Tình trạng |
|------------------------------|---|--------------------------------|---|---|---|---|---------------|
| TCDN01 | Đăng nhập bằng username và password | TCDN01_TH | Username và passwork tồn tại. | Điền username. Điền password. Nhấn nút đăng nhập. | username: "lehonghanh" password: "123456789" | Đăng nhập thành công. | Passed |
| | | TCDN01_TH | Username và passwork không tồn tại. | Điền username. Điền password. Nhấn nút đăng nhập. | username: "nguyenvana" password: "963258147" | Thông báo: "username hoặc password không tồn tại" | Passed |
| | | TCDN01_TH | Không nhập username | Điền password. Nhấn nút đăng nhập. | username: "" password: "963258147" | Thông báo: "Bắt buộc điền username" | Passed |
| | | TCDN01_TH | Không nhập password | Điền username. Nhấn nút đăng nhập. | username: "nguyenvana" password: "" | Thông báo: "Bắt buộc điền password" | Passed |

| Tên module | Cập nhật thông tin người dùng | | | | | | |
|------------------|-------------------------------|--|---|--|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức | Kiểm thử chức năng cập nhật thông tin người dùng | | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | | | | | | |
| Passed | 3 Không thực thi 0 | | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 3 | | | | |

| Mã kịch bản thử nghiệm | Kịch bản thử nghiệm | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | Tình trạng |
|------------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------------|---|------------------|------------------------------------|---------------|
| TCCNTT ND01 | ton alliven trill | TCCNTTND 01_TH01 | Cập nhập họ. | Điền họ. Nhấn nút cập nhập. | Họ: "Nguyễn" | Cập nhập người dùng thành công. | Passed |
| | | TCCNTTND 01_TH02 | l on phon ton | Điền tên. Nhấn nút cập nhập. | Tên: "Quốc Huy" | Cập nhập người dùng thành công. | Passed |
| | | TCCNTTND 01_TH03 | Cập nhập quyền truy cập. | 1. Chọn quyền. 2. Nhấn nút cập nhập. | Quyền: "Guest" | Cập nhập người dùng thành công. | Passed |

| Tên module | Thêm người dùng | | | | | | |
|------------------|--------------------|------------------------------------|---|--|--|--|--|
| Yêu cầu kiểm thử | Kiểm thử chức | Kiểm thử chức năng thêm người dùng | | | | | |
| Ưu tiên kiểm thử | Cao | | | | | | |
| Passed | 3 Không thực thi 0 | | | | | | |
| Failed | 0 | Số trường hợp | 3 | | | | |

| Mã kịch bản thử nghiệm | Kịch bản thử nghiệm | Mã trường hợp thử nghiệm | Tên trường hợp thử nghiệm | Các bước kiểm thử | Dữ liệu kiểm thử | Kết quả dự kiến | Tình trạng |
|------------------------------|--|--------------------------------|-------------------------------|--|---|---|---------------|
| TCTND0 | Thêm người dùng với: họ, tên, quyền truy cập. | TCTND 01_TH01 | Kiểm tra dữ liệu hợp lệ. | Điền họ. Điền tên. Chọn quyền truy cập. Nhấn nút tạo. | Họ: "Nguyễn" Tên: "Quốc Huy" Quyền: "Guest" | Tạo người dùng thành công. | Passed |
| | | TCTND01_T H02 | Không điền họ. | Điền tên. Chọn quyền truy cập. Nhấn nút tạo. | Họ: "" Tên: "Quốc Huy" Quyền: "Guest" | Thông báo: "Bắt buộc điền họ" | Passed |
| | | TCTND01_T H03 | Không điền tên. | Điền họ. Chọn quyền truy cập. Nhấn nút tạo. | Họ: "Nguyễn" Tên: "" Quyền: "Guest" | Thông báo: "Bắt buộc điền tên" | Passed |
| | | TCTND01_T H04 | Không chọn quyền truy cập. | Điền họ. Điền tên. Nhấn nút tạo. | Họ: "Nguyễn" Tên: "Quốc Huy" Quyền: "" | Thông báo: "Bắt buộc chọn quyền truy cập" | Passed |

CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN

5.1 Kết quả đạt được

Trong quá trình thực hiện đề tài nhóm đã thực hiện được giao diện trên web với các chức năng sau:

- Nhóm đã xây dựng được website quản lý công văn giúp cho quản trị viên quản lý được công văn đi và công văn đến.
- Thông tin công văn đến và công văn đi được cập nhập theo thời gian thực.
- Quản trị viện có thể phân công người thực hiện công văn đến và người nhận công văn
 đi.
- Khách có thể xem được công văn đến mình phải thực hiện và công văn đi mình được nhân.
- Quản trị viên và khách có thể lọc trên danh sách công văn giúp việc để dàng hơn.
- Quản trị viên và khách có thể theo dõi thời gian thực trạng thái công văn.

5.2 Hạn chế của đồ án

- Giao diện còn đơn giản chưa hoàn chỉnh.
- Chưa tối ưu hóa file upload lên.
- Chưa kiểm thử thực tế.

5.3 Hướng phát triển

Tuy nhóm đã hoàn thành đề tài và còn nhiều hạn chế nhưng ứng dụng vẫn còn rất nhiều chức năng có thể phát triển đề tài trong tương lai:

- Phát triển ứng dung đi đông dưa tương tác với RESTful API đã tao.
- Tích hợp lưu trữ đám mây.
- Thêm chức năng lịch sử thông báo.
- Thêm chức năng tạo danh mục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] RESTful API: https://topdev.vn/blog/restful-api-la-gi/
- [2] Nodejs: https://freetuts.net/nodejs-la-gi-584.html
- [3] MongoDB: https://topdev.vn/blog/mongodb-la-gi-co-so-du-lieu-phi-quan-he/
- [4] Reactjs: https://viblo.asia/p/reactjs-uu-diem-va-nhuoc-diem-V3m5Wzexl07
- [5] MERN stack: https://viblo.asia/p/gioi-thieu-mern-stack-bWrZnv4vZxw